

Số: 2045/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 27 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Công trình: Đường lâm nghiệp Nam Nung**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;  
Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính,  
quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;  
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 280/TTr-STC ngày  
21 tháng 12 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

1. Công trình: Đường lâm nghiệp Nam Nung.
2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH một thành viên Nam Nung.
3. Đơn vị thi công gói thầu xây lắp: Công ty TNHH xây dựng Hoàng Long.
4. Địa điểm xây dựng: Huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.
5. Thời gian thi công:
  - Gói thầu số 1: Khởi công: 12/3/2012; Hoàn thành: 20/10/2012.
  - Gói thầu số 2: Khởi công: 29/3/2013; Hoàn thành: 26/01/2014.
  - Gói thầu số 3: Khởi công: 05/3/2014; Hoàn thành: 20/2/2015.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: Đồng*

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
<b>Tổng số</b>	<b>33.227.604.000</b>	<b>33.147.405.000</b>	<b>80.199.000</b>
Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ	33.227.604.000	33.147.405.000	80.199.000



2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán
<b>Tổng số</b>	<b>34.972.000.000</b>	<b>33.227.604.000</b>
- Chi phí xây dựng	27.212.347.000	27.074.397.000
- Chi phí quản lý dự án	513.668.000	513.668.000
- Chi phí tư vấn đầu tư XD	5.174.267.000	5.144.671.000
- Chi phí khác	606.143.000	494.868.000
- Chi phí dự phòng	1.465.575.000	

Tổng chi phí đầu tư được quyết toán (bằng chữ): Ba mươi ba tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn đồng.

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>	<b>33.227.604.000</b>			
- Tài sản cố định	33.227.604.000			
- Tài sản lưu động	0			

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>33.227.604.000</b>	
Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ	33.227.604.000	

b) Tình hình công nợ tính đến ngày 25/10/2016 (ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán):

Tổng số phải trả: 180.231.000 đồng.  
 Tổng số phải thu: 100.032.000 đồng.

(Có Phụ lục chi tiết đính kèm)

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán;

tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu, đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng và chất lượng công trình.

d) Trong thời hạn 06 tháng kể từ khi có Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Chủ đầu tư phải hoàn thành việc giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản đầu tư của công trình tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
<b>Tổng số</b>	<b>33.227.604.000</b>	
Công ty TNHH một thành viên Nam Nung	33.227.604.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

a) Ban quản lý dự án, các đơn vị tư vấn giám sát, thi công: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình, về khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán.

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu: Chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

c) Nhà thầu kiểm toán độc lập, kiểm toán viên chịu trách nhiệm về nội dung và tính đúng đắn của số liệu trong Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Nam Nung; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND huyện Krông Nô và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KTKH.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
  
**Trần Xuân Hải**

**PHỤ LỤC**  
**CHI TIẾT TÌNH HÌNH CÔNG NỢ**  
**CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG LÂM NGHIỆP NAM NUNG**

(Kèm theo Quyết định số 2045/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công Nợ	
				Nợ phải trả	Số phải thu
	<b>Tổng số</b>	<b>33.227.604.000</b>	<b>33.147.405.000</b>	<b>180.231.000</b>	<b>100.032.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>27.074.397.000</b>	<b>27.090.607.000</b>	<b>73.126.000</b>	<b>89.336.000</b>
1	Chi phí xây dựng gói thầu số 1	7.520.215.000	7.572.983.000		52.768.000
2	Chi phí xây dựng gói thầu số 2	9.399.941.000	9.436.509.000		36.568.000
3	Chi phí xây dựng gói thầu số 3	10.154.241.000	10.081.115.000	73.126.000	
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>513.668.000</b>	<b>513.668.000</b>		<b>0</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>5.144.671.000</b>	<b>5.148.598.000</b>	<b>6.769.000</b>	<b>10.696.000</b>
1	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư	2.903.682.000	2.913.803.000		10.121.000
2	Chi phí khảo sát, lập TKBVTC-DT	1.567.734.000	1.567.897.000		163.000
3	Chi phí thẩm tra TKBVTC-DT	67.463.000	67.463.000		0
4	Chi phí lựa chọn nhà thầu	47.909.000	47.909.000		0
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	557.883.000	551.526.000	6.769.000	412.000
5.1	Gói thầu số 1	159.918.000	160.330.000		412.000
5.2	Gói thầu số 2	190.928.000	190.928.000		0
5.3	Gói thầu số 3	207.037.000	200.268.000	6.769.000	
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>494.868.000</b>	<b>394.532.000</b>	<b>100.336.000</b>	<b>0</b>
1	Chi phí bảo hiểm công trình	59.043.000	59.043.000		0
2	Lệ phí thẩm định thiết kế	0	0	0	0
3	Lệ phí thẩm định dự toán	0	0	0	0
3	Lệ phí thẩm tra dự án và thiết kế cơ sở	5.781.000	0	5.781.000	
4	Chi phí kiểm toán	335.489.000	335.489.000		0
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	94.555.000	94.555.000	0	94.555.000